

NGUYỄN TRUNG TRỰC qua *Châu bản triều Nguyễn* và những phát hiện mới

Nguyễn Hữu Hiếu

TỪ KHI PHÁP ĐÁNH CHIẾM THÀNH GIA ĐỊNH VÀ NHỨT LÀ SAU KHI TRIỀU ĐÌNH KÝ HÒA ƯỚC NHÂM TUẤT, NHƯỜNG BA TỈNH MIỀN ĐÔNG NAM KỲ CHO PHÁP, NHÂN DÂN NAM KỲ NHỨT TÊ ĐỨNG LÊN ĐÁNH GIẶC GIỮ NƯỚC, DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA NHIỀU THỦ LÃNH NHƯ TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH, VÕ DUY DƯƠNG, NGUYỄN HỮU HUÂN, NGUYỄN TRUNG TRỰC, TRẦN XUÂN HÒA... TRONG ĐÓ, NGUYỄN TRUNG TRỰC VÀ HOẠT ĐỘNG CHỐNG PHÁP CỦA ÔNG MANG MỘT SỐ NÉT ĐẶC BIỆT.

DỰA VÀO MỘT SỐ CHÂU BẢN TRIỀU NGUYỄN THỜI TỰ ĐỨC VỪA ĐƯỢC PHÁT HIỆN GẦN ĐÂY Ở TTLTQG HÀ NỘI, KẾT HỢP MỘT SỐ PHÁT HIỆN MỚI VỀ NGUYỄN TRUNG TRỰC, CHÚNG TÔI TAM KHÔI PHỤC CHÂN DUNG CỦA NGƯỜI ANH HÙNG MIỀN SÔNG NƯỚC NAM KỲ.

1. Nguyễn Trung Trực, tên khai sinh là Nguyễn Văn Lịch, sinh năm 1838⁽¹⁾ tại xóm Nghề (nay thuộc ấp 1, xã Bình Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An)⁽²⁾ là con ông Nguyễn Văn Phụng (Thăng) gốc người ở Xóm Lưới, xã Vinh Hội, tổng Trung An, huyện Phù Ly, trấn Bình Định (nay thuộc xã Cát Hải, Phù Cát, Bình Định). Tương truyền, lúc nhỏ ông theo học võ và văn với Thầy Sáu ở vùng kinh Bảo Định, vì tính tình chơn chất, thành thật, nên được bà con trong xóm thường gọi là Chơn⁽³⁾. Ông rất giỏi võ, thông minh, cương trực, thường xuyên giao du rộng rãi với hào kiệt trong

vùng nên sớm có uy tín, nổi tiếng trong trường, nhưng lại nhỏ hơn Huỳnh Công Tấn, Nguyễn Văn Điển và một người nữa (chưa rõ tên) nên thầy dạy xếp ông đứng thứ tư (theo tuổi) và đặt tên là Trực (Tư Trực), tên chữ là Trung Trực.

Khi được tin giặc Pháp đánh thành Gia Định, ông cùng bạn bè yêu nước thành lập đội nghĩa dũng, ông được họ tôn làm đội trưởng.

2. Năm 1860, Nguyễn Văn Lịch mang đội dân dũng của mình tham gia đạo binh đồn điền của Trương Định, góp phần chống giữ đồn Chí Hòa, được phong chức Cai đội. Ngày

24-2-1861, Chí Hòa thất thủ, Trương Định lui về Gò Công, Nguyễn Trung Trực về Tân An. Lúc này, Nguyễn Trung Trực giữ chức quyền sung Quản binh đạo⁽⁴⁾, gọi tắt là Quản binh nên còn gọi là Quản Lịch hay Quản Chơn.

Cuối tháng 3 tháng 1861, quân Pháp theo sông Bảo Định từ sông Vàm Cỏ Tây đánh vào thành Định Tường, nghĩa quân Nguyễn Trung Trực tham gia trận này⁽⁵⁾, và diệt được Hải quân Trung tá chỉ huy là Bourdais cùng 30 lính⁽⁶⁾, tại đồn số 5 (Bến Chùa).

Lúc này, do nhân dân đồng loạt nổi dậy phản kháng quyết liệt ở khắp nơi nên quân Pháp cho nhiều tàu chiến tuần tiễu ngày đêm trên các sông rạch, tra xét gặt gạo tất cả ghe xuồng qua lại. Hai câu:

“Bữa thấy bông bong trắng
lớp⁽⁷⁾, muốn tới ăn gan.

Ngày xem ống khói chạy đen sì⁽⁸⁾, muốn ra cắn cổ” trong bài “Văn tế vong hồn mộ nghĩa” của cụ Đồ Chiểu đã nói lên thay nỗi căm hờn uất hận của quân chúng lúc đó.

Tại vàm sông Nhựt Tảo - một nhánh của sông Vàm Cỏ Đông, tiểu hạm Espérance thường trực án ngữ. Sau một thời gian điều nghiên Quản Lịch cùng hai Phó quản là Huỳnh Khắc Nhượng và Nguyễn Văn Quang được anh em Cai tổng

Hồ Quang Minh và Hương thân Hồ Quang Chiêu của làng Nhựt Tảo phối hợp⁽⁹⁾ quyết hạ cái đồn di động này.

Sáng ngày 10-12-1861, Quân Lịch cho một toán nghĩa quân kéo về kinh Ông Hông (xã Bình Lăng, huyện Tân Trụ) đánh trống khua chiêng làm kế nghi binh, như quân Pháp. Chỉ huy tàu là trung úy Parfait liền chỉ huy một toán lính xuống canô đi càn quét, chỉ để lại một ít binh lính trên tàu. Gần trưa, 59 nghĩa quân đi trên ba chiếc ghe nguy trang thành ghe “đám cưới”⁽¹⁰⁾ đến xin phép quan Tây cho “đi rước dâu” rồi bất thần tràn lên tàu, giết gần hết lính Pháp đang ngủ trưa, nghĩa quân nổi lửa đốt tàu, chiếc Espérance chìm tại chỗ, 17 lính Pháp và 20 tên tay sai người Việt bị diệt, tịch thu toàn bộ vũ khí, ngoại trừ khẩu đại bác. Đồn Nhựt Tảo với 20 lính tập cũng bị toán quân do Hương thân Hồ Quang Chiêu chỉ huy diệt gọn⁽¹¹⁾.

Sách *Đại Nam thực lục chính biên* dựa vào các châu bản biên soạn, tường thuật rất chi tiết về trận này:

“Khi ấy, quân Tây dương đổ tàu bọc đồng ở phần thôn Nhựt Tảo. Quyền sung Quân binh đạo là Nguyễn Văn Lịch sai sung Phó quản binh đạo là Huỳnh Khắc Nhượng, Võ Văn Quang đều đem binh thuyền dọc theo ven sông, tới gần chỗ tàu quân Tây dương đậu, chia quân phòng bị và đặt quân phục kích, bèn đem 59 nhân viên quân Chiến Tâm chia làm 2 đạo, giả làm thuyền buôn thẳng tới tàu Tây dương, nhảy lên trước đâm chết 4 tên người Tây dương, những người cùng đi đều nhảy lên tàu một lượt giết bừa đi. Quân Tây dương nhảy xuống sông, hoặc chết hoặc thoát thân; còn thì chui xuống khoang thuyền chống bắn. Quang liền hô 30 tên phục binh nổi dậy tiếp chiến. Bọn quản toán là Nguyễn Học,

覽謹奉併叙
字畫潦草 日院飭屬詳抄進
既知方陳踐試范富庶奉草閱

兵致討辰有十國與師惟已呼國與富係有君
父之讐致讓願為先鋒進攻收得富國五城余
獲富長父子富民半已歸降諸國合該只存一
箇大臣兼洋裁兵拒我抵當不住致書求和請
國現方索以納銀款城多款未肯許降這係開
得洋人相與告言並香港檄報及諸蕃義管率
被他拿流故回道來各等情再叙往探定詳據

裁輒故併將原卷及策詞等本款進
呈據卷聲叙候
存三月多之久
肯錄詳再所編胡
勳業既忠直二本
事體有潤也

嗣德貳拾叁年拾貳月拾玖日機密院日等
奏本月初九日接興農使日藩忠密咨並連釘探
報案詞該八本張奉照咨叙據黃履太探回密
呈嘉定日下洋帥現各該屯道砲該四所
氣機戰船八艘洋兵約七百丁上下日夜巡
防似有忙惶之意又叙據既有數詳述富長俞
殘無原衣坡儲合與俄羅斯飛檄告諸友邦會

Châu bản thời Tự Đức tập 233, tờ số 218, Ngày 19 tháng 12 năm Tự Đức 23 (1871 Tây lịch). Ghi lại nội dung báo cáo của Nguyễn Văn Kiêng với Nguyễn Hữu Huân về Hồ Huân Nghiệp và những người ủng hộ với Nguyễn Trung Trực

tương thân là Hồ Quang lấy búa sắt phá tàu của Tây dương không vỡ, tức thì phóng lửa đốt cháy hết.

Vua thưởng cho bọn Lịch làm Quản cơ; Nhượng, Nguyễn Văn Quang, cộng 20 người làm Cai đội, đều cho ngân tiền và thưởng chung cho binh đinh 1.000 quan tiền, 4 người bị chết cấp cho tiền tuất gấp đôi và

ám nhiều cho con hay cháu gọi bằng chú bác ruột. Lại chấn cấp cho những nhà thôn ấy bị Tây dương đốt cháy.

Thự Tuấn phủ Gia Định là Đỗ Quang, linh Tuấn phủ Định Tường là Đỗ Thúc Tịnh đều nói trận này là trận xuất sắc nhất, cho nên mới thưởng cho hậu⁽¹²⁾.

Đây là đầu tiên nghĩa quân với khí giới thô sơ đã mưu trí

tiêu diệt tàu chiến của Pháp, biểu tượng văn minh cơ khí phương tây, chính vì vậy mà thực dân Pháp rất cay cú, họ đốt phá làng Nhựt Tảo để trả thù và dựng bia kỷ niệm thất bại ngay tại vòm Nhựt Tảo¹³⁾. Chiến công *Hỏa hồng Nhựt Tảo oanh thiên địa*¹⁴⁾ đã trở thành nổi ám ảnh của quân Pháp.

Kể từ sau chiến thắng Nhựt Tảo, cao trào chống Pháp trên địa bàn Gia Định, Định Tường nổi lên trong suốt năm 1862. Tuy nhiên, giữa lúc đó, triều đình nhà Nguyễn lại tiến hành đàm phán và ký kết hiệp ước Nhâm Tuất (5-6-1862) nhượng cho Pháp ba tỉnh miền Đông, đồng thời ra lệnh các thủ lĩnh

nghĩa quân phải giải giáp hoặc lui binh về với triều đình.

Hầu hết lực lượng không tuân lệnh giải giáp, riêng lực lượng nghĩa quân của Quản Lịch chẳng những không rút quân mà còn tấn công giặc mạnh mẽ trong tháng 12, như để tưởng niệm chiến thắng Nhựt Tảo vào tháng 12-1861. Các tàu chiến của giặc đậu ở vòm sông Tra (Gò Công), rạch Tra (Đức Hòa), Bến Lức, đồn Thủ Thừa đồng loạt bị tấn công¹⁵⁾, hạ sát được đại úy chỉ huy thuyền trưởng Thouroud và một số lính Pháp, lấy được hầu hết khí giới, đạn dược.

Châu bản Tự Đức tập 220, tờ số 135 (Ngày 18 tháng 8 năm Tự Đức 23, nhằm ngày 13-9-1870), bản tấu của Cơ mật viện về việc công trạng các viên Hồ Huân Nghiệp, Nguyễn Trung Trực, Đặng Quang Nghi, Võ Duy Dương, Nguyễn Hữu Huân, xin giao cho tỉnh Khánh Hòa và Phan Trung lập đàn tế những người Nam Trung tuần nghĩa.

旨錄詳
覆辦畢其致祭後復齊請錄由慶和省臣支出
庫錢辦買牲菜會同潘忠樞日撰文設壇致祭
禮應從厚以為忠義者勸至如阮琬以下現今春
屬尚留六省難從擬賞請俟何日該等眷屬如
有往住在何地方另由該地方咨辦輒啟候
既知方陳疏誠范富庶奉單閱

凡武有表武維新等詳開該胞弟武惟揚節次
從戎事狀再敘該省遵奉給該老母現年七十一
米一方錢五貫湖德武拾年歲月日阮本
米一方終其妻生下一男即武惟恭現年十
身止發此其妻生下一男即武惟恭現年十
下一男武惟奉現年十該督臣又將訪問所得殉
義人等自阮琬至阮氏妙該三十八名氏列後併
咨臣等竊想該督臣所敘亦係勸義獎忠起見

另賞示勸及阮有勳賞定祥人茲已放回司員外
郎俟該舉人有無投居平順以祀如何另
行擬辦等因欵旁欵奉
硃批俟後究請追授令恐未開合確追授賜祭亦好但
與武揚訪賞之款恐洋聞難掩但節賞等員他亦
聞想為政應然亦無礙不然存沒不齊有感于心
欵此臣阮遵奉密咨據該督臣咨據千戶楊肥

嗣德貳拾叁年捌月拾捌日機密院臣等
奉月初四日接平富署督臣申文懷密覆一本謹
將遵
呈奉照本年五月日臣阮奉片列南人事狀請賞之
款有夾敘內一款胡勳業阮忠直即管鄭光儀均
係南人已故勢難擬辦外其武惟揚賞平定候遠
縣人請密咨該省訪問該員有無子孫如何具覆

Tuy nhiên kể từ sau các trận đánh cuối năm 1862 này đến năm 1867, không tìm thấy nguồn tư liệu nào có ghi chép liên quan đến Nguyễn Trung Trực (của Pháp, cả của ta), ngoại trừ kho Châu bản triều Nguyễn mà chúng ta chưa có điều kiện khám phá hết được. Phù Lang Trương Bá Phát đã vận dụng các ghi chép của P.Vial (trong *Les premières années de la Cochinchine, Colonie Francaise*), đã xác nhận điều này: hình như Quốc sử quán quen biên Trực đổi ra Bình Định để làm gì để chống giặc Pháp¹⁶⁾.

Nghi ngờ của cụ Phù Lang khá chính xác, vì sau khi đại đồn Chí Hòa thất thủ, Phan Cư Chánh (Phan Chánh), Phó Bình Tây nguyên soái rút quân về Châu Loan (vùng giáp ranh giữa Biên Hòa và Bình Thuận) tiếp tục mộ quân kháng chiến; sau Hòa ước Nhâm Tuất, tỉnh Bình Thuận - mà trung tâm là căn cứ Giao Loan, là nơi quy tụ các đầu mục, nghĩa quân và nhiều người yêu nước từ Nam kỳ chạy ra mang theo nhiều thông tin về hoạt động của nghĩa quân, về tình hình quân Pháp, về dân tình... Phan Chánh được hoàng đế Tự Đức giao nhiệm vụ sàng lọc, tổng hợp tình hình tâu báo về triều đình để có phương kế phù hợp. Ông được thăng Thị giảng học sĩ rồi Thị độc học

sĩ, sung chức Khánh Hòa Điền nông sứ được cấp ấn quan phòng để chiêu dân khẩn hoang. Thực chất, đây là nơi tập hợp, tổ chức lại các sĩ dân từ Nam kỳ chạy ra, mưu tính việc lấy lại ba tỉnh miền Đông Nam kỳ. Khá nhiều châu bản thời Tự Đức từ năm 1862 đến 1873 thể hiện rõ hoạt động của ông và một số nhân vật liên quan trong đó có Nguyễn Trung Trực. Để che giấu hoạt động này, Phan Chánh tung tin mình đi vào Gia Định và chết trong đó và lấy tên mới Phan Trung¹⁷.

Dù chưa tìm được Châu bản liên quan đến thời điểm Quản Lịch ra Bình Thuận, nhưng đối chiếu với Biên bản khai cung với giặc Pháp¹⁸, và hoạt động thực tiễn của Quản Lịch, thì có thể ông ra Bình Thuận¹⁹ vào năm 1865, vì vào cuối năm 1864 ông còn tổ chức lễ tế nghĩa sĩ tại Tam Bình, Cần Giuộc. Ở Bình Thuận, ông phối hợp với Phan Trung bàn về kế sách trở lại hoạt động ở Nam kỳ, ông mang lý lịch khác với tên mới là Nguyễn Trung Trực. Đầu năm 1876, ông được phong Lãnh binh Bình Định, nhưng không hợp với tình hình và yêu cầu của ông, triều đình phong ông làm Thành thủ ủy Hà Tiên.

Nhưng khi đến nơi, thì Hà Tiên đã bị Pháp chiếm, ông phải rút về Hòn Chông, đóng quân ở Hòn Trẹm. Sau khi chiếm toàn bộ Nam kỳ, Pháp chia lục tỉnh thành 19 hạt tham biện (sau là tỉnh) để thống trị; riêng tỉnh Hà Tiên, bị chia thành hai hạt tham biện là Hà Tiên và Rạch Giá. Ở hạt Rạch Giá, Pháp nâng cấp mở rộng huyện bảo Kiên Hà trước đây thành lý sở cai trị Rạch Giá, do Trung úy Sauterne làm Chánh tham biện (Chánh Phèn), Trung úy Gamard cùng với 5 sĩ quan khác phụ trách quân sự với cả 100 lính. Cạnh đó còn có đồn lính mã tà với 50 lính Việt do Đội Cầu chỉ huy.

Nếu tính từ lúc Nguyễn



Châu bản Tự Đức tập 383, tờ số 72 (Ngày 6 tháng 2 năm Tự Đức 24 nhằm ngày 26-3-1871), bản tấu của Cơ mật viện về việc cứu xét sự trạng tử tiết của Hồ Huân Nghiệp và Nguyễn Trung Trực.

Trung Trực đặt chân lên địa bàn tỉnh Hà Tiên (sau ngày 24-6-1867), đến khi ông tấn công thành Kiên Giang (16-6-1868) thì chưa đầy một năm. Trong khi quân Pháp có gần 200 quân, súng đạn dồi dào, còn Nguyễn Trung Trực chỉ có khoảng 50 quân tùy tùng từ Bình Thuận theo vào và một số cựu chiến hữu từ Tân An xuống, trong đó có Nguyễn Văn Diên, hương thân Hồ Minh Chiêu...

Nếu không là một nhà quân sự có biệt tài, một nhà chính trị sâu sắc, thì làm sao ông có thể làm rất tốt công tác dân vận, để chỉ trong thời gian ngắn đó mà đã bắt liên lạc, vận động được sự ủng hộ của các nhân sĩ yêu nước ở vùng Rạch Giá, Hà Tiên, Phú Quốc và chiêu mộ gần 200 nghĩa quân được huấn luyện bài bản.

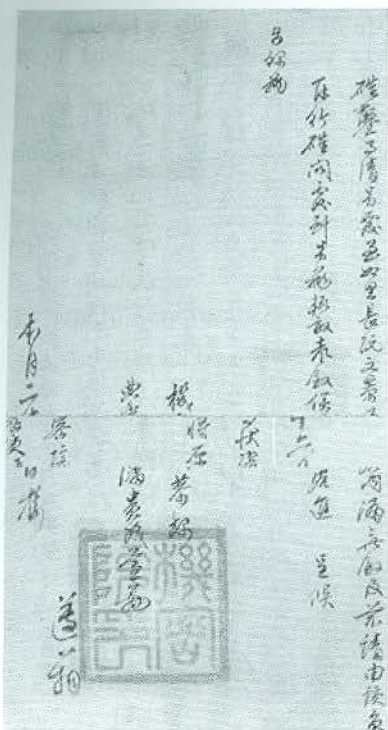
Bắt đầu từ thầy thuốc Dương Công Thuyên²⁰, ông đã bắt mối quan hệ và quy tụ được nhiều nhân vật yêu nước ở địa phương: Lâm Quang Kỳ²¹, Trần Văn Diệu (tức Quán Diệu)²², Hồng Văn Ngàn, Ngô Văn Búp, Trịnh

Văn Tư, Nguyễn Văn Quang, Nguyễn Học, Nguyễn Văn Niên, Quán Thứ (Hòn Chông), Xả Lý, Huyện Hiến, Quán Cầu (bốn người đều ở làng Minh Lương, Rạch Giá), chị em bà Điều (Lê Kim Định). Ở Hòn Chông có Xã Tấn, ở Phú Quốc có Xã Ngợi, Cai tổng Kiên... Ngoài ra, ông còn liên kết với nghĩa quân Trần Văn Thành ở Láng Linh - Bãi Thưa (Châu Đốc).

Sau đó, lực lượng Nguyễn Trung Trực lập thêm căn cứ ở vùng Sân Chim (tả ngạn sông Cái Lớn, Rạch Giá), và Tà Niên (xã Vinh Hòa Hiệp Châu Thành, Kiên Giang).

Sau một thời gian điều nghiên, nắm địch tình và vận động nội tuyến đội lính mã tà của Quán Cầu, ông cho tấn công đồn Vàm Răng (nay thuộc xã Sơn Kiên, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang)²³ tiêu diệt được hơn 10 lính Pháp và Việt gian, để thăm dò phản ứng của giặc.

Đêm 15-6-1867, ông cho tập hợp các nơi về Tà Niên, rồi tiến về thành Kiên Giang, đến 4 giờ sáng ngày 16-6-1868 ông



Châu bản Tự Đức tập 364, tờ số 6 (Ngày 18 tháng 5 năm Tự Đức 24 nhằm ngày 5-7-1871), bản tấu của Cơ mật viện về việc nhận được phúc báo của Phan Trung cho biết hiện chưa rõ Hồ Huân Nghiệp và Nguyễn Trung Trực làm gì chết ngày nào

phát lệnh công thành, đến mờ sáng nghĩa quân tiêu diệt toàn bộ lính, viên chức và 7 sĩ quan trong thành, trong đó có Chánh tham biện Sauterne và Trung úy Gamard trưởng đồn, tịch thu toàn bộ vũ khí và làm chủ tình hình thành Kiên Giang suốt 6 ngày.

Ngày 21-6-1868, Pháp tập trung quân phản công từ Vinh Long, ông kéo quân đến Tà Kên Ba Bản (núi Sập) ngăn chặn⁽²⁴⁾, nhưng yếu thế phải quay về thành Kiên Giang rồi rút qua Hòn Chông. Pháp tấn công Hòa Chông. Ông rút ra Phú Quốc.

Quân Pháp phong tỏa đảo, nghĩa quân rút lên núi, Huỳnh Công Tấn cho gom dân đảo lùa theo cuộc hành quân, kêu gọi ông ra hàng; ngày nào ông chưa ra hàng thì chúng đem 5-7 người ra giết. Nguyễn Trung Trực rơi vào thế thất ngạt: vợ vừa mới sanh lại phải chạy giặc nên suy kiệt rồi mất, nghĩa quân đã cạn lương thực, nước uống và đạn dược, trước tình cảnh dân

làng bị vạ lây vì nghĩa quân nên Nguyễn Trung Trực quyết định ra nộp mình vào ngày 19-9-1868.

Giặc giải về Khám Lớn Sài Gòn để đối chất và lấy khẩu cung. Mặc cho chính Đê đốc Ohier ra sức chiêu dụ, Nguyễn Trung Trực kháng khái chối từ và yêu cầu giặc mau hành hình ông. Chúng đành đưa ông về Rạch Giá và hành quyết vào ngày 27-10-1868 (nhằm ngày 12 tháng 9 năm Mậu Thìn). Trước khi lià đời, ông đã nói câu nói bất hủ: “Bao giờ Tây nhỏ hết cỏ nước Nam thì mới hết người Nam đánh Tây”.

Việc Nguyễn Trung Trực tuân nghĩa còn ghi lại trong Châu bản thời Tự Đức tập 233, tờ số 218, có đoạn sau:

(...)

“Lại căn cứ Nguyễn Hữu Huân kể lại Hồ Huân Nghiệp cùng với quan Tây tranh luận, Nguyễn Văn Kiểng bí mật ghi chép, Nguyễn Trung Trực và Trần Văn Diệu, Lâm Kỳ, Dương

Thuyền, Nguyễn Văn Điền. Tất cả họ đều tử tiết, sự trạng đều giữ nghĩa quên thân, thật đáng thương xót! Tháng 8 năm nay, thần viện biết tin kính theo lời phê làm lễ tế những người Nam Trung tuân nghĩa, tưởng cũng phần nào an ủi.

Lại kính phụng châu phê, trong đó có khoản “chờ khi có cơ hội tra cứu truy lục lại đầy đủ báo đền hậu đãi, khâm thờ”

Tất cả những viên ấy xin kính tuân theo đó ghi tên chờ định liệu. Lại xét Nguyễn Văn Kiểng lần đó sốt sáng vì nghĩa chung, không chỉ là việc riêng của bản thân tự cắt đứt ân ái riêng, tuy là chí khí lớn lao nhưng thật là bé tấc, sự tình cũng nên tìm phương tiện liệu tính làm việc. Về khoản này, xin do Điền nông sứ ủy người tra xét rõ ràng xem rốt cuộc sự trạng viên ấy như thế nào sẽ mật tư khoản riêng chờ phúc báo.

Xin đem nguyên tư và các trang bảm báo tóm tắt tiến trình chờ chỉ lục thi hành. Lại theo ghi chép ấy, Hồ Huân Nghiệp, Nguyễn Trung Trực 2 bốn, sự thế có can hệ, viện thần xin sức cho người thân tín sao chép gộp lại kính dâng lên Hoàng thượng ngự lãm.

Thần Nguyễn Tri Phương, Trần Tiên Thành, Phạm Phú Thứ phụng thảo duyệt.

Châu điểm.

Ngày 19 tháng 12 năm Tự Đức 23 (1871)”.

Nguyễn Văn Kiểng, chưa rõ lai lịch, hoạt động trong “đường dây” Phan Trung, được cài vào hệ thống người Việt giúp việc cho Pháp, có thể là người được Pháp tin cậy, được làm việc trong dinh Thống đốc Nam kỳ, mới có điều kiện chứng kiến cuộc tranh luận của Hồ Huân Nghiệp với các quan chức của Pháp hồi 1864 (trước khi chúng đem ra hành quyết) và cuộc bàn luận về cuộc dấy binh của Nguyễn Trung Trực. Ông đã bí mật ghi chép, rồi báo cáo cho Nguyễn Hữu Huân, để ông Thủ

khoa chuyển tới Phan Trung theo nguyên tắc vách ngăn của công tác điệp báo. Phan Trung xử lý thông tin rồi mới báo cho viện Cơ mật, cuối cùng mới tới tay vua Tự Đức giải quyết.

Do các báo cáo này chưa đầy đủ về hoạt động của hai ông Hồ Huân Nghiệp và Nguyễn Trung Trực, nên một số Châu bản sau vua Tự Đức chỉ đạo tiếp tục truy tìm tung tích của hai vị này cùng Đặng Quang Nghi, Võ Duy Dương, Nguyễn Hữu Huân, giao cho tỉnh Khánh Hòa và Phan Trung lập đàn tế những người Nam Trung tuần nghĩa:

- Châu bản Tự Đức tập 220, tờ số 135 (Ngày 18 tháng 8 năm Tự Đức 23, nhằm ngày 13-9-1870), bản tấu của Cơ mật viện về việc công trạng các viên Hồ Huân Nghiệp, Nguyễn Trung Trực, Đặng Quang Nghi, Võ Duy Dương, Nguyễn Hữu Huân, xin giao cho tỉnh Khánh Hòa và Phan Trung lập đàn tế những người Nam Trung tuần nghĩa.

- Châu bản Tự Đức tập 383, tờ số 72 (Ngày 6 tháng 2 năm Tự Đức 24 nhằm ngày 26-3-1871), bản tấu của Cơ mật viện về việc cứu xét sự trạng tử tiết của Hồ Huân Nghiệp và Nguyễn Trung Trực.

- Châu bản Tự Đức tập 364, tờ số 6 (Ngày 14 tháng 5 năm Tự Đức 24 nhằm ngày 1-7-1871), bản tấu của Cơ mật viện về việc nhận được phúc báo của Phan Trung cho biết hiện chưa rõ Hồ Huân Nghiệp và Nguyễn Trung Trực làm gì chết ngày nào.

Sở dĩ, mãi đến 3 năm sau khi Nguyễn Trung Trực tuần tiết mà triều đình chưa rõ công trạng của ông là vì khi ông qua đời toàn đất Nam kỳ đều rơi vào tay giặc, quan chức triều đình không còn hiện diện ở đây nữa, mọi hoạt động đều do Phan Trung điều hành cử người bí mật vào Nam lên lút điều tra.

Hy vọng rằng, trong tương lai gần, với sự hỗ trợ của

Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I (Hà Nội) sẽ có nhiều tư liệu về Nguyễn Trung Trực được phát hiện, để chân dung người anh hùng miền sông nước được hoàn thiện hơn. ■

CHÚ THÍCH:

1. Theo lời khai của ông với giặc Pháp. Còn trong Cao Tự Thanh, Đoàn Lê Giang, *Tác phẩm Nguyễn Thông*, Sở Văn hóa-Thông tin Long An, 1984, tr.280, cho rằng ông sinh năm 1839.

2. Nay là xã Thạnh Đức (Bến Lức, Long An).

3. Theo Lê Thọ Xuân: Cụ tên thật là Nguyễn Văn Lịch. Vì tánh tình cụ ngay thật, thẳng thắn và vì có cái tên là Chơn (không giả dối) nên ông thầy học đặt cho cái hiệu là Trung Trực (*Tập san Sử Địa*, số 12, 1968, tr.55).

4. Quốc sử quan triều Nguyễn (2005), *Đại Nam thực lục*, tập 7, Nxb. Giáo Dục, tr.820-821.

5. Đào Văn Hội (1972), *Tân An xưa*, Phủ QVKĐTVH, tr.87.

6. Nt

7. *Khói trắng của tàu tỏa ra.*

8. *Cột ống khói tàu.*

9. Cai tổng Hồ Quang Minh đưa Nguyễn Trung Trực lên tàu trong vai một người thợ mộc để lợp mái che cho tàu. Nhờ vậy, Nguyễn Trung Trực am tường quân số, vũ khí, cách bố phòng trên tàu.

10. Phù Lang Trương Bá Phát lại dẫn cuốn *Les premières années de la Cochinchine (Những năm đầu tiên ở Nam kỳ)* của Paulin Vial, cho rằng toán quân của Nguyễn Trung Trực giả làm ghe buôn xin giấy phép để tấn công tàu.

11. Lê Thọ Xuân, "Xin cung hiến một ít tư liệu về cụ Nguyễn Trung Trực", *Tập san Sử-Địa*, số 12, 1968, tr.56-58.

12. Quốc sử quán triều Nguyễn (2005), *Đại Nam thực lục*, tập 7, Nxb. Giáo Dục, tr.820-821.

13. Bia này đã bị phá sau năm 1975, hiện nay chỉ còn lại nền ở phía sau trụ sở UBND xã An Nhứt Tân. Theo bà Tư Bí (sinh năm 1918, ở sát vàm Nhứt Tảo thuộc xã An

Nhứt Tân) thì trên bia có dòng chữ "Aux morts francais dans l'année 1861" (Kỷ niệm những người Pháp tử trận trong năm 1861).

14. Huỳnh Mẫn Đạt trong bài *Điều Nguyễn Trung Trực*.

15. Sông Tra ở Gò Công ăn ra sông Vàm Cỏ (doạn hợp lưu giữa sông Vàm Cỏ Đông và sông Vàm Cỏ Tây), chảy qua giữa xã Đồng Sơn, Gò Công Đông (Tiền Giang) và xã Thanh Vinh Đông, Châu Thành, Long An.

16. Dẫn theo Phù Lang Trương Tấn Phát (1968) "Nguyễn Trung Trực, Đồng tướng Tân An phủ", *Tập san Sử Địa* số 12, tr.13.

17. Xem thêm Nguyễn Hữu Hiếu-Nguyễn Thanh Thuận (2019) *Cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam kỳ và Đồng Tháp qua châu bản triều Nguyễn*, phần Phụ lục, tr.120-130.

18. Nguyên văn bản dịch *Biên bản khai cung*:

-Hỏi: Hồi năm 1861 người ta gọi chú là gì?

- Đáp: *Quân Lịch. Chính tôi làm nổ chiếc tàu đậu tại Nhật Tảo. Kế tôi ra Huế nơi tôi được bổ nhiệm chức Quân cơ, và vài năm sau, tôi được phái đến Hà Tiên với chức vụ Thành thủ úy. (Nhưng) lúc đó quân Lang Sa đã chiếm Hà Tiên, tôi và gia đình lui về Hòn Chông...*

Trong khai cung ông không hề nói tới Bình Thuận, không cho Pháp biết nơi đây là trung tâm điều hành cuộc kháng chiến ở Nam kỳ.

19. Trong Biên bản khai cung.

20. Trong *Châu bản Tự Đức* tập 233, tờ số 218, ghi là Dương Thuyên.

21. Trong *Châu bản Tự Đức* tập 233, tờ số 218, ghi là Lâm Kỳ.

22. Người mà trong bản khai cung Nguyễn Trung Trực, viết bằng chữ Pháp là Quan Diêu, trong *Châu bản Tự Đức* tập 233, tờ số 218 ghi chính xác tên này).

23. Theo Lê Thọ Xuân thì trong trận này, nghĩa quân của Nguyễn Trung Trực đã *giết ngót 30 tên, vừa sĩ quan vừa binh lính Pháp, không kể bọn bạc-ti-zan hay bọn hầu hạ quân nhân Pháp* (*Sđđ*, tr.50).